

Số: 720 /TTr-UBND

An Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trong điều kiện biến đổi khí hậu

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG	
ĐẾN	Ngày: 06/12/2017
	Số: 5634
	Chuyên:
Lưu Hồ Sơ: Tr. UBND	

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT, ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 819/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt kế hoạch hành động quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3365/QĐ-BNN-HTQT của Bộ Nông nghiệp và PTNT ngày 21/8/2015 về việc phê duyệt hoạt động “Điều chỉnh quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Nam Định và tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trong điều kiện biến đổi khí hậu” do Đan Mạch tài trợ trong khuôn khổ dự án “Hỗ trợ Chương trình Mục tiêu Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2011-2015”;

Căn cứ Văn bản số 8580/BNN-TCTL ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chấp thuận cho UBND tỉnh An Giang thực hiện thẩm định, phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch cấp nước sạch nông thôn trong điều kiện BĐKH đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” tỉnh An Giang và Nam Định do Chính phủ Đan Mạch tài trợ;

Căn cứ Văn bản số 4546/BNN-TCTL ngày 02/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chỉ đạo thực hiện nội dung cấp nước sạch nông thôn trong Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 1574/SNN&PTNT-TTN ngày 19/10/2017 về việc dự thảo tờ trình của UBND và Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng 2030 trong điều kiện biến đổi khí hậu,

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến về việc thông qua Quy hoạch cấp nước sạch tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trong điều kiện biến đổi khí hậu, cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Điều chỉnh Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trong điều kiện biến đổi khí hậu.

2. Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Quốc gia Nước sạch và VSMT nông thôn - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Sự cần thiết điều chỉnh và mục tiêu quy hoạch:

3.1. Sự cần thiết điều chỉnh Quy hoạch

Sau 6 năm thực hiện Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang đã đạt được những thành tựu đáng kể, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh (HVS) là 96,16% trong đó tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước đạt QCVN 02:2009/BYT là 76,86% (2015), các công trình cấp nước tập trung quy mô vừa và nhỏ phát triển mạnh, dần thay thế các công trình cấp nước nhỏ lẻ hộ gia đình.

Tuy vậy, các công trình cấp nước tập trung nông thôn qua nhiều năm khai thác do tác động của thiên nhiên, con người, chất lượng nước nguồn thay đổi, sự hạn chế của nguồn vốn đầu tư đã và đang trong tình trạng xuống cấp, tỷ lệ hộ dân đầu nối sử dụng nước thấp, một số công trình hoạt động kém hiệu quả, thời gian xây dựng kéo dài,... Mặt khác, An Giang là tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng nhiều của biến đổi khí hậu, hiện tượng nước biển dâng, chế độ dòng chảy thay đổi mang tính bất thường, khắc nghiệt hơn so với trước đây dẫn đến tình trạng lũ lụt vào mùa mưa, thiếu nước sản xuất và sinh hoạt vào mùa khô, xâm nhập mặn và hạn hán, nguồn nước các kênh cấp 2, cấp 3 bị ô nhiễm, bồi lắng gây ảnh hưởng cho cấp nước nông thôn do đó cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch về cấp nước sạch nông thôn cho phù hợp với xu thế về biến đổi khí hậu cũng như xu thế phát triển cấp nước hiện nay.

3.2. Mục tiêu quy hoạch

a) Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước cho người dân nông thôn, góp phần đảm bảo sức khỏe Nhân dân.

Khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững nguồn tài nguyên để góp phần bảo vệ môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu của quy hoạch cũ đến năm 2020:

+ Về cấp nước: 100% dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó có 80% sử dụng nước đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt – QCVN 02: 2009/BYT với số lượng 60 lít nước/người/ngày.

- Đến hết năm 2015 đạt được:

+ Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt đạt QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế: 76,86%.

+ Tỷ lệ trường học ở nông thôn có nước HVS đạt 98,26%.

+ Tỷ lệ trạm y tế ở nông thôn có nước hợp vệ sinh đạt: 100%.

- Mục tiêu rà soát và điều chỉnh quy hoạch mới:

- Đến năm 2020:

+ 100% dân số nông thôn được sử dụng nước HVS trong đó 90% dân số nông thôn sử dụng nước đạt QCVN 02:2009/BYT với số lượng 100 lít/người/ngày.

+ Tỷ lệ trường học có nước hợp vệ sinh: 100%.

- Định hướng đến năm 2030: đảm bảo 100% người dân được sử dụng nước sạch theo QCVN 02:2009/BYT với số lượng 100 lít/người/ngày.

4. Nội dung Quy hoạch điều chỉnh

4.1. Giai đoạn đến năm 2020

- Xây mới 6 công trình cấp nước với công suất 32.150 m³/ngày đêm, cấp nước cho 198.975 người tương đương 11,1% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

- Cải tạo nâng cấp, mở rộng, đầu nối với nhà máy nước hiện có 13 công trình cấp nước với công suất 54.400 m³/ngày đêm, cấp nước tăng thêm cho 244.979 người, tương đương 13,67% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

- Xây mới và cải tạo 810 công trình nhỏ lẻ cấp nước cho 3.242 người, tương đương 0,18% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

4.2. Giai đoạn đến năm 2030

- Xây mới 7 công trình cấp nước với công suất 38.000 m³/ngày đêm, cấp nước cho 241.166 người tương đương 12,26% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

- Nâng cấp, mở rộng, đầu nối với nhà máy nước hiện có 15 công trình cấp nước với công suất 17.500 m³/ngày đêm, cấp nước tăng thêm cho 502.539 người, tương đương 25,55% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

- Cải tạo 333 công trình cấp nước nhỏ lẻ hộ gia đình, cấp nước cho 1.330 người, tương đương 0,067% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

Chi tiết xem phụ lục I đính kèm

5. Tổng kinh phí thực hiện quy hoạch điều chỉnh: 2.826.643 triệu đồng.

Trong đó:

Vốn ngân sách (bao gồm ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và vốn quốc tế thông qua ngân sách): 683.275 triệu đồng.

Vốn doanh nghiệp, tư nhân: 1.860.703 triệu đồng.

Vốn dân đóng góp và tự làm: 282.664 triệu đồng.

Phân kỳ:

- Giai đoạn 2016 – 2020: 1.179.467 triệu đồng.

- Giai đoạn 2021 – 2030: 1.647.176 triệu đồng.

Chi tiết xem phụ lục II kèm theo

6. Các nhóm giải pháp thực hiện Quy hoạch điều chỉnh:

- Giải pháp cấp nước trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Giải pháp về truyền thông, tuyên truyền.

- Giải pháp về đầu tư và huy động vốn.

- Giải pháp đào tạo phát triển nguồn lực.

- Giải pháp về chính sách.

- Giải pháp về công trình.

- Giải pháp công nghệ.

(Chi tiết xem Báo cáo Quy hoạch kèm theo)

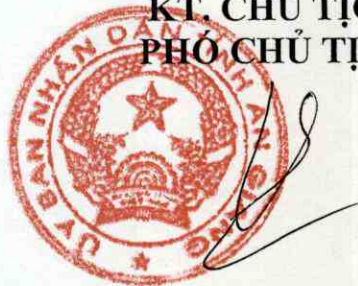
Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua điều chỉnh Quy hoạch cấp nước sạch tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trong điều kiện biến đổi khí hậu tại kỳ họp lần thứ 6, Khoá IX để Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định triển khai.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 601/TTr-UBND ngày 23/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh./

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh: CT, PCT Lâm Quang Thi;
- Sở KHĐT, Sở Tài chính, Sở NNPTNT;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P.KTN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Quang Thi

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG
THÔN CẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TẠI AN GIANG GIAI ĐOẠN ĐẾN 2020,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030**

(Kèm theo Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh An Giang)

TT	Tên dự án	Năm dự kiến xây dựng	Huyện	Thông tin công trình
A - GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020				
I- Công trình sửa chữa, nâng công suất, mở rộng và đấu nối mạng lưới đường ống				
1	Nâng công suất, mở rộng CTCNTT thị trấn Nhà Bàng	Quý IV 2017-2020	Tịnh Biên	Vị trí đặt trạm xử lý TT. Nhà Bàng, cấp thêm cho 2 xã Văn Giáo, Thới Sơn. Công suất là 2.400 m ³ /ngđ cấp thêm cho 14.601 người.
2	Nâng công suất, mở rộng CTCN tuyến dân cư An Lập, xã Lê Trì	Quý IV 2017-2020	Tri Tôn	Vị trí đặt trạm xử lý xã Lê Trì, cấp thêm cho xã Lương Phi. Công suất là 1.000 m ³ /ngđ cấp thêm cho 5.500 người.
3	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN thị trấn Tri Tôn	Quý IV 2017-2020	Tri Tôn	Vị trí đặt trạm xử lý thị trấn Tri Tôn, cấp thêm cho các xã An Tức, Núi Tô, Cô Tô, Ô Lâm. Công suất là 5.000 m ³ /ngđ cấp thêm cho 6.500 người.
4	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới nhà máy nước thị trấn Phú Hòa	2018-2020	Thoại Sơn	Vị trí đặt trạm xử lý thị trấn Phú Hòa, cấp thêm cho xã Vĩnh Trạch. Công suất là 7.000 m ³ /ngđ cấp thêm cho 18.192 người.
5	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN Cái Dầu	2018-2020	Châu Phú	Vị trí đặt trạm xử lý Thị trấn Cái Dầu, cấp thêm cho xã Vĩnh Thạnh Trung, Đào Hữu Cảnh, Thạnh Mỹ Tây, Bình Phú. Công suất là 7.000 m ³ /ngđ cấp thêm cho 43.000 người.
6	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN thị trấn Chợ Mới	2018-2020	Chợ Mới	Vị trí đặt trạm xử lý Thị trấn Chợ Mới, cấp thêm cho xã Long Điền A và Long Điền B. Công suất là 5.000 m ³ /ngđ cấp thêm cho 20.000 người.

TT	Tên dự án	Năm dự kiến xây dựng	Huyện	Thông tin công trình
7	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN thị trấn Mỹ Luông	2018-2020	Chợ mới	Vị trí đặt trạm xử lý Thị trấn Mỹ Luông, cấp thêm cho 3 xã Hội An, Mỹ An, Long Kiến. Công suất là 5.000 m ³ /ngđ cấp thêm cho 20.500 người.
8	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN thị trấn Phú Mỹ	2018-2020	Phú Tân	Vị trí đặt trạm xử lý Thị trấn Phú Mỹ, cấp cho thêm 4 xã Tân Trung, Tân Hòa, Phú Xuân, Phú Thọ. Công suất là 5.000 m ³ /ngđ cấp thêm cho 31.000 người.
9	Đầu nối CTCN xã Phú Long	2018-2020	Phú Tân	Đầu nối với CTCN thị xã Tân Châu. Cấp thêm cho 326 người.
10	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN Cái Đàm, xã Bình Thạnh Đông	2018-2020	Phú Tân	Vị trí đặt trạm xử lý xã Bình Thạnh Đông, cấp thêm cho xã Phú Hưng. Công suất là 5.000 m ³ /ngđ cấp thêm cho 31.000 người.
11	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN xã Vĩnh Xương	2018-2020	TX Tân Châu	Vị trí đặt trạm xử lý xã Vĩnh Xương, cấp thêm cho xã Vĩnh Hòa. Công suất là 4.000 m ³ /ngđ cấp thêm cho 25.202 người.
12	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN xã Phú Vĩnh	2018-2020	TX Tân Châu	Vị trí đặt trạm xử lý xã Phú Vĩnh, cấp thêm cho xã Lê Chánh. Công suất là 3.500 m ³ /ngđ cấp thêm cho 25.512 người.
13	Nâng cấp, mở rộng CTCN ấp Vĩnh Lợi, Vĩnh Hậu	2018-2020	An Phú	Vị trí đặt trạm xử lý xã Vĩnh Hậu, cấp thêm cho xã Phú Hữu và Vĩnh Lộc. Công suất là 4.000 m ³ /ngđ cấp thêm cho 6.646 người.
II- CTCN xây mới				
1	Xây mới CTCN liên xã Tà Đảnh và Tân Tuyên	Quý IV 2017-2020	Tri Tôn	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại xã Tân Tuyên, lấy nước Kênh số 1. Công suất thiết kế là 2.200 m ³ /ngđ cấp cho 13.875 người.
2	Xây mới CTCN liên xã Vĩnh Hanh, Vĩnh	Quý IV 2017-2020	Châu Thành	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại xã Bình Hòa, lấy nước Kênh Xáng

TT	Tên dự án	Năm dự kiến xây dựng	Huyện	Thông tin công trình
	Bình, Vĩnh An, Tân Phú, Vĩnh Nhuận			Mới Ba Thê. Công suất thiết kế là 5.500 m ³ /ngđ cấp cho 34.000 người.
3	Xây mới CTCN liên xã Kiến An và Kiến Thành	Quý IV 2017-2020	Chợ mới	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại xã Kiến Thành, lấy nước Rạch Ông Chương. Công suất thiết kế là 6.000 m ³ /ngđ cấp cho 37.100 người.
5	Xây mới CTCN liên xã Mỹ Hội Đông, Nhơn Mỹ và Long Giang	2018-2020	Chợ mới	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại xã Nhơn Mỹ, lấy nước Sông Hậu. Công suất thiết kế là 8.400 m ³ /ngđ cấp cho 52.000 người.
5	Xây mới CTCN liên xã Tân Mỹ, Mỹ Hiệp và Bình Phước Xuân	2018-2020	Chợ mới	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại xã Bình Phước Xuân, lấy nước Sông Tiền. Công suất thiết kế là 6.000 m ³ /ngđ cấp cho 37.000 người.
6	Xây mới CTCN liên xã Phú Lâm, Phú Thạnh và Long Hòa	2018-2020	Phú Tân	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại xã Phú Lâm, lấy nước Sông Tiền. Công suất thiết kế là 4.050 m ³ /ngđ cấp cho 25.000 người.
B - GIAI ĐOẠN 2021-2030				
I- CT sửa chữa, nâng công suất, mở rộng và đầu nối mạng lưới đường ống				
1	Đầu nối sử dụng từ nhà máy nước Sông Hậu III cấp cho Thị trấn Tịnh Biên và các xã An Cư, An Nông, An Phú, Nhơn Hưng	2020-2030	Tịnh Biên	Vị trí dự kiến đặt trạm xử lý tại nhà máy nước Sông Hậu III, cấp thêm cho 49.923 người.
2	Đầu nối sử dụng từ nhà máy nước Sông Hậu III cấp nước cho Thị trấn Ba Chúc và các xã Vĩnh Phước, Lạc Quới, Vĩnh Gia	2020-2030	Tri Tôn	Vị trí dự kiến đặt trạm xử lý tại nhà máy nước Sông Hậu III, cấp thêm cho 31.553 người.

TT	Tên dự án	Năm dự kiến xây dựng	Huyện	Thông tin công trình
3	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN Châu Lăng	2020-2030	Tri Tôn	Vị trí đặt trạm xử lý tại xã Châu Lăng, công suất 2.500 m ³ /ngđ cấp thêm cho 7.500 người.
4	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN Lương An Trà	2020-2030	Tri Tôn	Vị trí đặt trạm xử lý tại xã Lương An Trà, công suất tăng thêm 1.400 m ³ /ngđ cấp thêm cho 9.014 người.
5	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN Trung Phú 4, xã Vĩnh Phú	2020-2030	Thoại Sơn	Vị trí đặt trạm xử lý tại xã Vĩnh Phú, công suất 2.000 m ³ /ngđ cấp thêm cho 3.000 người.
6	Đầu nối sử dụng từ nhà máy nước Sông Hậu II cấp cho Thị trấn Phú Hòa, Thị trấn Núi Sập, Thị trấn Óc Eo và các xã Vĩnh Chánh, Vĩnh Trạch, Phú Thuận, Vĩnh Khánh, Định Thành, Bình Thành, Thoại Giang	2020-2030	Thoại Sơn	Vị trí dự kiến đặt trạm xử lý tại nhà máy nước Sông Hậu II cấp cho 141.118 người.
7	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN tây kênh Mướp Văn Tây Phú	2020-2030	Thoại Sơn	Vị trí đặt trạm xử lý tại xã Tây Phú, công suất 1.500 m ³ /ngđ cấp thêm cho 3.000 người.
8	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới CTCN xã Vọng Thê	2020-2030	Thoại Sơn	Vị trí đặt trạm xử lý tại xã Vọng Thê, công suất 3.000 m ³ /ngđ cấp thêm cho 27.972 người.
9	Đầu nối sử dụng từ nhà máy nước Sông Hậu II cấp nước cho Thị trấn An Châu và các xã Bình Hòa, Hòa Bình Thạnh, Cần Đăng, An Hòa, Vĩnh Lợi	2020-2030	Châu Thành	Vị trí dự kiến đặt trạm xử lý tại nhà máy nước Sông Hậu II cấp cho 113.168 người.

TT	Tên dự án	Năm dự kiến xây dựng	Huyện	Thông tin công trình
10	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước CTCN xã Bình Thạnh	2020-2030	Châu Thành	Trạm xử lý tại xã Bình Thạnh, công suất 1.100 m ³ /ngđ cấp thêm cho 7.455 người.
11	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước CTCN xã Vĩnh Thành	2020-2030	Châu Thành	Trạm xử lý tại xã Bình Hòa cấp nước cho xã Vĩnh Thành, số người tăng thêm là 16.369.
12	Đầu nối sử dụng từ nhà máy nước Sông Hậu II cấp thêm cho 3 xã Bình Long, Bình Mỹ, Bình Chánh	2020-2030	Châu Phú	Vị trí dự kiến đặt trạm xử lý tại nhà máy nước Sông Hậu II cấp cho 42.162 người.
13	Đầu nối sử dụng từ nhà máy nước Sông Hậu III cấp nước cho các xã Mỹ Đức, Mỹ Phú và Khánh Hòa	2020-2030	Châu Phú	Vị trí dự kiến đặt trạm xử lý tại nhà máy nước Sông Hậu III, cấp cho 75.602 người.
14	Đầu nối từ CTCN Cái Đầm xã Hiệp Xương	2020-2030	Phú Tân	Trạm xử lý CTCN Cái Đầm xã Hiệp Xương cấp thêm cho xã Bình Thạnh Đông, Phú Hưng. Dự kiến cấp thêm cho 1.935 người.
15	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước CTCN thị trấn An Phú	2020-2030	An Phú	Cấp thêm cho xã Vĩnh Trường và Đa Phước. Công suất là 6.000m ³ /ngđ cấp thêm cho 20.000 người.
16	Đầu nối sử dụng nước thành phố Châu Đốc (NMN sông Hậu III) cấp cho xã Vĩnh Hội Đông	2020-2030	An Phú	Vị trí dự kiến đặt trạm xử lý tại nhà máy nước Sông Hậu III, cấp cho 2.691 người.
17	Đầu nối sử dụng từ nhà máy nước Sông Hậu III cấp cho 2 xã Vĩnh Tế và Vĩnh	2020-2030	TP. Châu Đốc	Vị trí dự kiến đặt trạm xử lý tại nhà máy nước Sông Hậu III, cấp cho 12.026 người.

TT	Tên dự án	Năm dự kiến xây dựng	Huyện	Thông tin công trình
	Châu			
II- CTCN xây mới				
1	Xây mới CTCN liên xã Thị trấn Chi Lăng và các xã An Hào, Núi Voi, Vĩnh Trung, Tân Lập, Tân Lợi	2020-2030	Tĩnh Biên	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại TT. Chi Lăng, lấy nước Kênh số 6. Công suất thiết kế là 5.000 m ³ /ngđ cấp cho 31.000 người.
2	Xây mới CTCN liên xã An Thạnh Trung, Hòa Bình và Hòa An	2020-2030	Chợ mới	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại xã Hòa Bình, lấy nước sông Hậu. Công suất thiết kế là 6.500 m ³ /ngđ cấp cho 40.500 người.
3	Xây mới CTCN liên xã Hòa Lạc, Phú Hiệp, Phú Thành và Phú Bình	2020-2030	Phú Tân	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại xã Hòa Lạc, lấy nước sông Hậu. Công suất thiết kế là 7.800 m ³ /ngđ cấp cho 51.608 người.
4	Xây mới CTCN liên xã Phú An và Thị trấn Vàm	2020-2030	Phú Tân	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại Thị trấn Vàm, lấy nước Sông Tiền. Công suất thiết kế là 4.800 m ³ /ngđ cấp cho 32.158 người.
5	Xây mới CTCN liên xã Phú Lộc, Tân Thạnh, Tân An, Long An, Châu Phong	2020-2030	TX Tân Châu	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại xã Tân An, lấy nước Sông Tiền. Công suất thiết kế là 5.000 m ³ /ngđ cấp cho 30.900 người.
6	Xây mới CTCN liên xã Khánh An, Khánh Bình và Thị trấn Long Bình	2020-2030	An Phú	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại Thị trấn Long Bình, lấy nước Sông Hậu. Công suất thiết kế là 3.200 m ³ /ngđ cấp cho 20.000 người.
7	Xây mới CTCN liên xã Quốc Thái, Phú Hội, Nhơn Hội, Phước Hưng	2020-2030	An Phú	Vị trí đặt trạm xử lý dự kiến tại xã Phú Hội, lấy nước Sông Hậu. Công suất thiết kế là 5.700 m ³ /ngđ cấp cho 35.000 người.

KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH(Kèm theo Tờ trình số *KT/Tr-UBND* ngày *11/12/2017* của UBND tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nguồn vốn	Tổng cộng	Tỷ lệ %	Giai đoạn 2016-2020					Giai đoạn 2021-2030			
				Tổng 2016-2020	Tỷ lệ %	Nước sạch	NS cơ sở công cộng	Truyền thông	Tổng 2021-2030	Tỷ lệ %	Nước sạch	Truyền thông
	Tổng	2.826.643	100%	1.179.467	100%	1.119.502	3.800	56.165	1.647.176	100%	1.568.739	78.437
1	Ngân sách	683.275	24%	353.840	30%	335.851	3.800	56.165	329.435	20%	313.748	78.437
2	DN, tư nhân	1.860.703	66%	707.680	60%	671.701	0	0	1.153.023	70%	1.098.117	0
3	Dân đóng góp, tự làm	282.664	10%	117.947	10%	111.950	0	0	164.718	10%	156.874	0